

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2022

V/v “ Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn;

Bà Nguyễn Ngọc Diễm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh V. Địa chỉ tạm trú: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào năm 2007. Đến năm 2014 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P thường xuyên xúc phạm, gây tổn thương danh dự và uy tín của ông. Nhiều năm qua ông đã cố gắng kiềm chế, nhẫn nhịn, chịu đựng để giữ hòa khí trong đời sống vợ chồng nhưng tình cảm

ngày càng rạn nứt. Từ khoảng năm 2016 đến nay ông bà đã không còn sống chung với nhau. Nay ông nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

## 2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Quá trình kết hôn đúng như ông S trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, thì theo bà P vợ chồng xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2014, 2015 nguyên nhân là do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng bất hòa liên tục. Đến khoảng năm 2015 ông P bỏ nhà đi, vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Hiện giờ bà P vẫn còn tình cảm với ông S nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải và cho thời gian để ông S và bà P khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tuy nhiên Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bà P vẫn vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Ông S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P, ông bà không có con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ: Số 516B/5 khu vực Bình Trung, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà P theo quy định.

### [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà P phát sinh từ việc không tin tưởng nhau trong tình cảm vợ chồng do bà P cho rằng ông S có người phụ nữ khác bên ngoài, còn ông S cho rằng bà P thường xuyên xúc phạm, gây tổn thương danh dự và uy tín của ông từ việc ghen tuông vô cớ. Hai bên đều xác định ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa ông S xác định không còn tình cảm với bà P nên không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Qua nhiều lần, Tòa án cho thời gian để ông bà hàn gắn nhưng không có kết quả, Tòa án tiến hành xét xử thì bà P vắng mặt không rõ lý do. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông S yêu cầu ly hôn với bà P là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S đối với bà Nguyễn Thị Thanh P về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Ngô Văn S ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh P.

2.Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0002070 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

\*Nơi nhân:

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- UBND xã Thới Hưng, H.Cờ Đỏ  
(nơi đk kết hôn-GCNKH 30,15/5/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thị Thùy Hương**